

CÔNG TY TNHH YAHON

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 20221222 /QĐ-YHN

Đông Nai, ngày 22 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành và áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở

- Căn cứ Luật Chất lượng Sản phẩm Hàng hóa Số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Căn cứ vào quyền hạn và chức năng của doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành và áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật

TCCS 41:2022/ YHN

Điều 2: Bộ phận kỹ thuật, sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp phải áp dụng tiêu chuẩn này.

Điều 3: Tiêu chuẩn này là cơ sở pháp lý để công bố sản phẩm và ký các hợp đồng kinh tế.

TỔNG GIÁM ĐỐC

HSU WEN TSAI

Nơi nhận:

- Như điều 2.
- Lưu TC (PH3B)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

Số: TCCS 41:2022/ YHN

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN YAHON**

Địa chỉ: Thôn Tây Lạc, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (025) 3869561

Fax: (025) 3868560

Website: <http://yahon.com.vn/>

CÔNG BỐ

TCCS 41:2022/ YHN

Áp dụng cho sản phẩm, hàng hoá:

KHĂN ƯỚT ĐA NĂNG KHÁNG KHUẨN LET-GREEN

Doanh nghiệp cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn công bố trên.

Đồng Nai, Ngày 22 tháng 12 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



CÔNG TY TNHH YAHON

Thôn Tây Lạc, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 41:2022/ YHN

KHĂN ƯỚT ĐA NĂNG KHÁNG KHUẨN LET-GREEN

Lần soát xét :

Ký hiệu tiêu chuẩn thay thế :

Đồng Nai, Ngày 22 tháng 12 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân

T. Giám Đốc
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
YAHON
H. TRẢNG BOM - T. ĐỒNG NAI
HSU WEN TSAI

KHĂN ƯỚT ĐA NĂNG KHÁNG KHUẨN

LET-GREEN

1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Tiêu chuẩn này áp dụng cho sản phẩm khăn bằng vải không dệt Spunlace, được qua hệ thống tấm ướt bằng nước cất có pha hoặc không pha hương liệu, được dùng để vệ sinh.

2.YÊU CẦU KỸ THUẬT

2.1 Quy cách :

Khăn giấy ướt được sản xuất theo kích thước chính:
200 mm x 150 mm (± 5mm)

Kích thước của khăn có thể thay đổi theo thỏa thuận của khách hàng hoặc dựa theo thỏa thuận được kí kết.

2.2 Nguyên liệu:

- Vải không dệt Spunlace phải được tẩy trắng và được xử lý để tăng độ thấm thấu
- Nước tinh khiết R.O.
- Benzalkonium Chloride, Polyaminopropyl Biguanide, Citric acid

2.3 Đặc tính sản phẩm

- Được làm từ vải không dệt, mịn màng, mềm mại và không nhờn da
- Sử dụng nước tinh khiết R.O,an toàn cho cả làn da nhạy cảm.

2.4 Yêu cầu về an toàn, vệ sinh, sức khỏe, môi trường: theo các văn bản hiện hành quy định của nhà nước.

2.5 Yêu cầu về ngoại quan:

Các cạnh khăn phải được cắt ngay ngắn, thẳng góc.
Mùi hương: Không mùi

2.6 Yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng: Phải phù hợp với bảng quy định dưới đây

Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức chất lượng	Phương pháp thử
1.Độ bền kéo đứt của khăn. - Theo chiều dọc - Theo chiều ngang	N	≥ 60 ≥ 15	ISO 9073-3 : 1989
2. Lượng chất lỏng	%	≥ 170	TCVN 11528:2016
3. Khối lượng 1 mét vuông (sau khi sấy)	g/m ²	≥ 39	ISO 9073-1:1989
4. PH nước ép		4.5 – 7.5	TCVN 11528: 2016
5.Chất tăng trắng quang học		Không phát hiện	TCVN 11528:2016
6.Tính năng đóng gói kín		Đạt	TCVN 11528:2016
7. Tổng số vi sinh vật đếm được	CFU/g	Không phát hiện	TCVN 11528:2016
8. Sự có mặt của vi sinh vật gây bệnh: P.aeruginosa, S.aureus, C. albicans.	CFU/g	Không phát hiện	TCVN 11528: 2016

9. Hàm Lượng Formaldehyt	Mg/Kg	Không vượt quá 30	ISO 14184 – 2011
10. Hàm lượng Axit amin	Mg/Kg	Không vượt quá 30	ISO 14184 - 2011

3 BAO BÌ – GHI NHÃN - BẢO QUẢN :

3.1 **Bao bì:** Sản phẩm được đựng trong hộp nhựa hoặc bao có hàn kín

3.2 **Ghi nhãn:** Nhãn sản phẩm được in trực tiếp trên bao bì với nội dung ghi nhãn theo ND 43/2017/ND-CP ngày 14/4/2017 và các văn bản hiện hành khác của nhà nước, cụ thể như sau:

- Tên sản phẩm: Khăn ướt kháng khuẩn khử mùi
- Tên nhãn hiệu: Let-Green.... Hoặc có thể thay đổi nhãn hiệu tùy theo nhu cầu doanh nghiệp với điều kiện sản xuất phải đúng theo qui định trong TCCS 41:2022/YHN
- Tên doanh nghiệp và địa chỉ:
- Qui cách: Tùy theo yêu cầu và ghi rõ trên bao bì.
- Thành phần: Vải không dệt Spunlace phải được tẩy trắng và được xử lý để tăng độ thấm thấu. Nước tinh khiết R.O. Benzalkonium Chloride, Polyaminopropyl Biguanide, Citric acid.
Hương thơm hoặc không hương thơm tùy theo nhu cầu thị trường, hoặc tùy theo nhu cầu khách hàng
- Hạn sử dụng: 03 năm kể từ ngày sản xuất
- Ngày sản xuất: In trên bao bì
- Sản xuất theo TCCS: 41:2022/YHN

3.3 **Bảo quản :** Sản phẩm được để nơi khô ráo, thoáng khí, tránh ánh sáng trực tiếp.

KT3 – 07349AHD0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/01/2021

Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample **KHĂN ƯỚT ĐA NĂNG KHÁNG KHUẨN LET-GREEN 80 MIẾNG**
2. Mô tả mẫu
Description Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Xem hình trang 02/02/ See picture on page 02/02
3. Số lượng mẫu
Quantity 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receipt 30/12/2020
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration 31/12/2020 - 08/01/2021
6. Nơi gửi mẫu
Customer **CÔNG TY TNHH YAHON**
Thôn Tây Lạc, Xã Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm :
Test result

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1 Độ bền đứt (trạng thái ướt)/ Tensile strength, • Theo chiều dọc/ In the machine direction • Theo chiều ngang/ In the transverse direction	N	ISO 9073-3 : 1989	74,0 17,8

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRUNG TÂM THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3 – 07349AHD0/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

08/01/2021

Page 02/02



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3 – 07349AHD0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

08/01/2021

Page 01/04

1. Tên mẫu : KHĂN ƯỚT ĐA NĂNG KHÁNG KHUẨN LET-GREEN 80 MIẾNG
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description
Xem hình trang / See picture on page 04/04
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 30/12/2020
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 31/12/2020 - 08/01/2021
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAHON
Customer
Thôn Tây Lạc, Xã Bắc Sơn, Trảng Bom, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo
Test results
Refer to next page

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3 – 07349AHD0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/01/2021

Page 02/04

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.2 Lượng chất lỏng/ <i>Liquid content</i> , 7.3 Hàm lượng formaldehyde tự do và thủy phân / <i>Free and hydrolysed</i> <i>formaldehyde content (water extraction</i> <i>method)</i> ,	% mg/kg	TCVN 11528 : 2016 ISO 14184-1: 2011	251 Không phát hiện <i>Not detected (**)</i>
7.4 pH nước ép/ <i>pH of extracted solution</i> 7.5 Chất tăng trắng quang học / <i>Optical</i> <i>brightener test</i>		TCVN 11528 : 2016 TCVN 11528 : 2016 Phụ lục B	5,1 Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6 Tổng số vi khuẩn hiếu khí/ <i>Total aerobic</i> <i>bacterial count</i> ,	CFU/g	TCVN 11528 : 2016 Phụ lục C	
7.7 Tổng số nấm mốc, men/ <i>Total yeast</i> , <i>mould</i>	CFU/g	TCVN 11528 : 2016 Phụ lục C	< 10 (*)
7.8 <i>Staphylococcus aureus</i> / 0,1g		TCVN 11528 : 2016 Phụ lục D	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9 <i>Pseudomonas aeruginosa</i> / 0,1g		TCVN 11528 : 2016 Phụ lục D	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.10 <i>Candida albicans</i> / 0,1g		TCVN 11528 : 2016 Phụ lục D	Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú : (*) Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc
 mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g*
when the dish contain no colony
 (**) Giới hạn phát hiện/ *limit of detection* : 6 mg/kg

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3 – 07349AHD0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

08/01/2021

Page 03/04

Phương pháp thử/ Test method : AATCC 100 : 2019

Tên chỉ tiêu Parameters	Nồng độ vi khuẩn gây nhiễm (CFU/mL) Inoculation concentration	Kết quả thử nghiệm Test results		
		Số lượng vi khuẩn (CFU/mẫu) tại thời điểm "0h" (C) The number of bacteria (CFU/ sample) recovered at "0" contact time	Số lượng vi khuẩn (CFU/mẫu) sau 24h (A) The number of bacteria (CFU/ sample) recovered after 24h contact period	R (%) = 100*(C-A)/C
Hoạt tính kháng khuẩn của mẫu dựa vào tỉ lệ suy giảm của vi khuẩn (R) Antibacterial activity assessment by percent reduction of bacteria				
7.7 Staphylococcus aureus	1,5 x 10 ⁵	1,8 x 10 ⁵	< 100	> 99,94
7.8 Klebsiella pneumonia	1,3 x 10 ⁵	1,5 x 10 ⁵	< 100	> 99,93

Ghi chú/Notice: Tính hiệu lực của phép thử/ Test validity:

- Tổng số vi khuẩn của mẫu thử/ Total bacteria of the sample: < 100 CFU/mẫu
- Viability controls: Mức độ tăng trưởng của vi khuẩn trên mẫu thẩm định sau 24h/ The growth value on the viability control after 24h incubation:
 - Staphylococcus aureus = 3,0 log
 - Klebsiella pneumonia = 3,0 log

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

4. Độ không đảm bảo do mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %.

Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3 – 07349AHD0/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

08/01/2021

Page 04/04



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.